

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 231/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Mai Thị Năm- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 334/2025/VLĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 186/2025/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Lê Thị L, sinh năm: 1991; thường trú: Xóm C, xã H, Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1999; thường trú: ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: 26 đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 12/9/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1996; thường trú: Xóm C, xã H, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH S; địa chỉ: Tổ N, đường số G, Khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; Địa chỉ: Số A đường L, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lê Thị L và người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị Hằng N thống nhất trình bày:

Từ tháng 04/2010 đến tháng 09/2012, bà Lê Thị L có ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH B1, từ tháng 12/2013 đến tháng 12/2023, bà Lê Thị L có

ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH S. Quá trình làm việc, bà Lê Thị L được Công ty TNHH B1 và Công ty TNHH S với số sổ 7410121466.

Nay, bà Lê Thị L có nhu cầu nhận bảo hiểm xã hội một lần nên có liên hệ với Bảo hiểm xã hội thì được Bảo hiểm xã hội thông báo bảo hiểm xã hội của bà bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào tháng 05/2013, bà Lê Thị L cho bà Trần Thị Dương M chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH S. Quá trình làm việc, bà Trần Thị D được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7413151203. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Trần Thị Dương M chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Trần Thị D có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L và Công ty TNHH S là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị D trình bày:

Bà Trần Thị D và bà Lê Thị L có mối quan hệ bạn bè. Khoảng tháng 05/2013, bà Trần Thị D không đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Lê Thị L để xin vào làm việc tại Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7413151203. Nay bà Trần Thị D thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị L và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L với Công ty TNHH S vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH S thì bà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm gì. Bà Trần Thị D cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D, Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH S đã được toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lê Thị L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D, Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH S đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014, người lao động Lê Thị L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và được Công ty TNHH S, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7413151203. Tuy nhiên, bà Lê Thị L và bà Trần Thị D đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 là bà Trần Thị D (do bà Lê Thị L cho bà Trần Thị Dương M hồ sơ cá nhân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà Lê Thị L và bà Trần Thị D, Công ty TNHH S với xác nhận của Bảo hiểm cơ sở T thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H và Sổ Bảo hiểm xã hội của bà Lê Thị L. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2010 đến tháng 09/2012, bà Lê Thị L có ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH B1, từ tháng 12/2013 đến tháng 12/2023, bà Lê Thị L có ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH S. Quá trình làm việc, bà Lê Thị L được Công ty TNHH B1 và Công ty TNHH S, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp số sổ 7410121466. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 là bà Trần Thị D, không phải là bà Lê Thị L. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L với Công ty TNHH S theo sổ bảo hiểm xã hội là 7413151203 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L và ý kiến của bà Trần Thị D về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH S trong giai đoạn từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 là bà Trần Thị D, không phải là bà Lê Thị L. Bà Lê Thị L và bà Trần Thị D có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413151203.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ các Điều 17, 18, 19 của Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị L

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị L với Công ty TNHH S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413151203) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413151203 không phải là bà Lê Thị L, sinh năm 1991; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040191038018. Bà Lê Thị L và bà Trần Thị D được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413151203.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0022348 ngày 02/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Minh Hoàng